

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/10/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+BK14+BK10	7:25	19+1+2	0+0+0		8+1+0	0+0+0	chuyen 1 ctk3-bk10
2		BK9+MRM	7:25	7+14	0+0		0+22	0+0	
3		RP1+PPD	9:25	5+15	0+0		0+20	0+0	
4		CTK3+BK4+CLO	9:25	12+8+1	0+0+0		4+0+10	0+0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 04	TO: CTK3 - BK4 - CLO	CREW: Hôi - NPhú - HIẾU	ETA: 11:15
cam-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM CÔNG HINH	CTK3	06-07	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN MANH	CTK3	08	1	13	13	65	XAYLAP	Vietnamese
3	DOAN VAN THANH	CTK3	13-14	2	15		59	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ XUÂN CHÍNH	CTK3	03	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TIỀN	CTK3	04-05	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HỮU	CTK3	11	1	5		62	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐĂNG TÙNG	CTK3	12	1	5		65	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY HIẾU	CTK3	16	1	3		59	PSV	Vietnamese
9	PHAN XUÂN HOA	CTK3					71	PSV	Vietnamese
10	MAI VĂN VUI	CTK3	15	1	9	40	50	TRƯỜNG	Vietnamese
11	LÊ TUẤN ANH	CTK3	17-18	2	15		54	TRƯỜNG	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HIỆP	CTK3	01	1	10	15	88	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ HOÀNG TIỀN	BK4	21	1	5		81	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC PHONG	BK4	25	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ HỒNG DUNG	BK4	24	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI XUÂN NGỌC	BK4	22-23	2	15		69	XAYLAP	Vietnamese
17	LƯƠNG XUÂN QUANG	BK4	26	1	15		57	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN BÀ THANH	BK4	26	1	10	10	72	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC HUY	BK4	27-28	2	15	12	79	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG VĂN HẠO	BK4	300	1	6		73	XAYLAP	Vietnamese
21	TẠ TRUNG DUNG	CLO	71	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	12	15	118	763	68	4		
2	BK4	8	10	88	581	22	0		
3	CLO	1	1	10	92	0	10		
TOTAL		21	26	216	1.436	90	14		
WEIGHT KG				216	1.436	90			

GRAND TOAL: 1.742 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: BK9 - MRM	CREW: Hồi - NPhú - HIẾU	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ANH QUANG	BK9	17	1	17		75	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	BK9	82	1	12		72	CODIEN	Vietnamese
3	DƯƠNG QUANG TRUNG	BK9	83-85	3	17		92	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN SANG	BK9	22-23	2	12	40	72	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN MINH TÂM	BK9	24	1	8		63	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH NGỌC	BK9	20-21	2	17		85	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN HỒNG QUÂN	BK9	18-19	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
8	LE TRUNG SON	MRM	55	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	KHALITOV NAFIS	MRM	42	1	10		80	KHOAN	Russian
10	NGUYEN VIET TRUNG	MRM	46	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
11	DMITRII MIKHALOV	MRM	43-44	2	17		110	KHOAN	Russian
12	NGUYỄN QUỐC HÙNG	MRM	47	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
13	OLEG DOBROVOLSKI	MRM	45	1	17		92	KHOAN	Russian
14	LY NHẬT TRƯỜNG	MRM	51	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	MRM	49	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN THÁI	MRM	50	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM QUANG TRUNG	MRM	53-54	2	14		80	KHOAN	Vietnamese
18	ĐÀO VĂN YẾN	MRM	52	1	12		63	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ MẠNH NAM	MRM	48	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN THIỆU BÌNH	MRM	57-58	2	17		70	KHOAN	Vietnamese
21	VŨ ANH TRỌNG	MRM	56	1	10		68	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	7	12	100	531	40	0		
2	MRM	14	17	160	1.100	0	22		
TOTAL		21	29	260	1.631	40	22		
WEIGHT KG				260	1.631	40			

GRAND TOAL: 1.931 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/10/2020	TO: RP1 - PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VThắng - Khang - QTrưởng	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀN TRÍCH GIANG	RP1	34-35	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ QUANG HÒA	RP1	31-32	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VIỆT HÙNG	RP1	36-37	2	20	11	78	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI SƠN HAI	RP1	29-30	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ HUY	RP1	33	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC QUANG	PPD	96	1	2	170	71	PSV	Vietnamese
7	VŨ VĂN TIẾN	PPD	90	1	5		67	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN SA	PPD	91	1	2		68	PSV	Vietnamese
9	TRƯƠNG KHANH MINH	PPD	04-05	2	17		71	CODIEN	Vietnamese
10	LƯU VĂN KHUÔNG	PPD	99,400	2	8		72	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC LINH	PPD	89	1	2		68	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NAM	PPD					58	PSV	Vietnamese
13	TRẦN MINH THUẬN	PPD	95	1	5		72	PSV	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN DOANH	PPD	200	1	5		65	PSV	Vietnamese
15	TẠ QUANG PHÚC	PPD	94	1	5		105	PSV	Vietnamese
16	LÊ TIẾN LỢI	PPD	87	1	3		71	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN TẠO	PPD	88	1	15		55	PSV	Vietnamese
18	HOÀNG XUÂN ĐÔNG	PPD	92-93	2	8		58	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐĂNG TƯỜNG ANH	PPD	98	1	4		65	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN PHÚC SANG	PPD	97	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

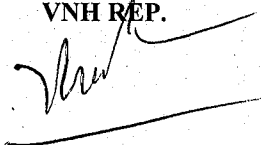
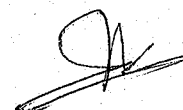
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	5	9	84	355	11	2		
2	PPD	15	17	92	1.026	170	20		
TOTAL		20	26	176	1.381	181	22		
WEIGHT KG				176	1.381	181			

GRAND TOAL: 1.738. KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/10/2020	TO: CTK3 - BK14 - BK10	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - Khang - QTrưởng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU ANH TUAN	CTK3	79	1	9	67	65	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN DUC MINH	CTK3	78	1	10		62	CODIEN	Vietnamese
3	ĐANG NGOC CUONG	CTK3	76	1	14		81	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAN VAN DUONG	CTK3	60	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
5	LE VAN NIN	CTK3	63-64	2	14		69	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN HAI NAM	CTK3	74	1	8		76	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAM VAN TU	CTK3	62	1	4		61	PSV	Vietnamese
8	LE DAM	CTK3	81	1	3		66	PSV	Vietnamese
9	VU NGOC NAM	CTK3	69	1	4		80	PSV	Vietnamese
10	TRAN DINH MINH	CTK3	61	1	2		82	PSV	Vietnamese
11	LE QUANG HA	CTK3	68	1	5		71	PSV	Vietnamese
12	HOANG THAI LONG	CTK3	70	1	2		60	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN TRI TIN	CTK3	75	1	5		80	SAN BAY	Vietnamese
14	NGUYEN ANH DUC	CTK3	77	1	2		71	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN LAM	CTK3	65-66	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUU SY	CTK3	71-73	3	20		70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐANG VAN THANH	CTK3	80	1	5	18	71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN DOAN	CTK3	67	1	4		49	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DINH SON	CTK3	77,79	2	17		71	XAYLAP	Vietnamese
20	LE VAN BINH	BK14	46-47	2	19		61	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC AN	BK10	48-49	2	20	10	76	XAYLAP	Vietnamese
22	PHUNG VAN DIEN	BK10	46-47	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

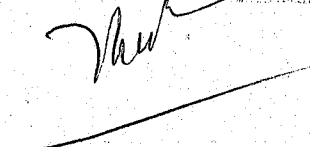
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	19	24	151	1.320	85	84		CHUYEN 1 PAX TU CTK3 SANG BK10
2	BK14	1	2	19	61	0	1		
3	BK10	2	4	36	146	10	0		
TOTAL		22	30	206	1.527	95	9		
WEIGHT KG				206	1.527	95			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

